

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-01-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn
giữa bà Th và ông V”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Khanh

2- Ông Nguyễn Hoàng Thân

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Th là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 167/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Luyến Thị Th, sinh năm 1981, có mặt

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố PL, thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố PL, thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-7-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Luyến Thị Th trình bày: Về hôn nhân: Bà Th và ông Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh vào ngày 21-7-2004 (Giấy đăng ký số 018/2004). Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu

thuần do ông V ngoại tình, không tôn trọng bà Th, không quan tâm gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng không hàn gắn được. Năm 2017, vợ chồng sống ly thân đến nay. Bà Th yêu cầu ly hôn ông V.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Lâm Kh, sinh ngày 30-4-2005, Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23-02-2017, các con ở cùng bà Th, nếu ly hôn bà Th yêu cầu nuôi các con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Về chia tài sản, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh ngày 22-8-2019 tại khu phố PL, thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định bà Th và ông V thường trú và sinh sống tại địa phương, ông V thường đi làm ở xa, thỉnh thoảng mới về. Trong thời gian chung sống, ông V và bà Th thường xuyên cãi vã, vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân. Do vợ chồng không nộp đơn hòa giải tại địa phương nên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn; vợ chồng có 02 con chung và phát triển bình thường. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th. Về nuôi con chung, chấp nhận yêu cầu của bà Th. Về chia tài sản chung bà Th không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:*

[2.1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại thị trấn PB, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:* Ông Nguyễn Văn V là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của bà Luyện Thị Th và ông Nguyễn Văn V là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Th là do ông V ngoại tình, không tôn trọng bà Th, không quan tâm gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Năm 2017, vợ chồng sống ly thân. Biên bản xác minh ngày 22-8-2019 xác định vợ chồng ông bà có mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, bà Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông V, cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông V có thật. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Th ly hôn ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung*: Bà Th và ông V có 02 con chung đang ở cùng bà Th, nếu ly hôn bà Th yêu cầu nuôi các con; cháu K dưới 7 tuổi, cháu Kh trên 7 tuổi, nguyện vọng ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà Th nuôi các con, bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét đến.

[3.3] *Về chia tài sản chung*: Bà Th không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X về hôn nhân, về nuôi con chung, về chia tài sản chung là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Luyện Thị Th ly hôn ông Nguyễn Văn V

2. *Về nuôi con chung*: Bà Th trực tiếp nuôi các con chung Nguyễn Lâm Kh, sinh ngày 30-4-2005, Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23-02-2017; bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; ông V có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. .

3. *Về chia tài sản chung*: Bà Th không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0000277 ngày 09-7-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; bà Th đã nộp đủ; ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiền

